TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THUỶ** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày: 31/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đình Tài;

2. Ông Nguyễn Ngọc Tính.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024, ngày 10/7/2024, đối với bị cáo:

Lê Văn L, (Tên thường gọi: L), sinh ngày 10 tháng 5 năm 1989, tại thị trấn P, C, Thanh Hóa; Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đăng D, sinh năm 1953 và bà Lê Thị M, sinh năm 1955; vợ: Hà Thị T, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 24/11/2014, Lê Văn L bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 12 tháng tù về tội *Huỷ hoại tài sản* theo Bản án số 286/2014/HSPT ngày 24/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, đã xóa án tích;

- Ngày 25/01/2016, Lê Văn L bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ về hành vi xâm hại đến sức khoẻ người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPVPHC ngày 25/01/2016 của Công an huyện C, đã nộp phạt;

- Ngày 28/9/2017, Lê Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xử phạt 36 tháng tù về tội *Gây rối trật tự công cộng* và *Huỷ hoại tài sản* theo Bản án số 28/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, đã xóa án tích;

- Ngày 04/12/2020, Lê Văn L bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đ về hành vi xâm hại đến sức khoẻ người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 104/QĐ-XPHC ngày 04/12/2020 của Công an huyện C, đã nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2024 đến ngày 25/01/2024 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Ngô Thị T1, sinh năm 1990; địa chỉ: TDP H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1992; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, Phòng C Công an tỉnh T nhận được đơn trình báo về hành vi cho vay lãi nặng của Lê Văn L. Quá trình điều tra xác định:

Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, Lê Văn L đã cho anh Nguyễn Văn V và chị Ngô Thị T1 vay tiền với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Khi nhận tiền vay, Long trừ trước số tiền lãi của một tháng và sau đó, hàng tháng chị T1, anh V trả lãi cho L bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đến số tài khoản 6787891989 tại ngân hàng M1 mang tên Lê Văn L. Cụ thể:

- Đối với chị Ngô Thị T1: Ngày 03/6/2022, L cho chị T1 vay số tiền 30.000.000đ, lãi xuất 5.000đ/triệu/ngày. Hai bên thống nhất trả theo tháng, tính 01 tháng là 30 ngày và sẽ trả lãi vào ngày mùng 3 hàng tháng. Những tháng đầu chị T1 trả lãi đều hoặc nếu trả lãi chậm thì tháng tiếp theo sẽ trả bù, nhưng sau đó, do số tiền lãi quá cao nên chị T1 trả không đầy đủ và khi nào L đòi gắt quá thì chị T1 trả một ít. Đến ngày 26/8/2023, L yêu cầu chị T1 trả số tiền nợ gốc và không tính tiền lãi nữa. Đến nay, chị T1 đã trả cho L số tiền gốc 10.000.000đ, nay còn nợ 20.000.000đ.

Số ngày vay: 443 ngày (14 tháng 23 ngày). Số tiền chị T1 phải trả cho L theo mức lãi suất đã thỏa thuận: 66.450.000đ. Số tiền lãi tối đa được thu theo đúng quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm): 7.282.000đ. Đối với khoản vay

này bị cáo nhằm thu lời bất chính 59.168.000đ. Chị T1 đã trả cho bị cáo 23.500.000đ, trừ đi số tiền lãi theo quy định của BLDS, bị cáo đã thu lợi bất chính là 16.218.000đ.

- Đối với anh Nguyễn Văn V: Đầu tháng 9/2022, L cho anh V vay số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng).* Anh V trả lãi được đến tháng 9/2023 thì L và anh V thỏa thuận không tính tiền lãi nữa. Sau đó, anh V đã trả số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)* nợ gốc cho L.

Số ngày vay: 375 ngày. Số tiền anh V phải trả cho L theo mức lãi suất đã thỏa thuận bằng với số tiền lãi thực tế anh V đã trả cho L: 37.500.000đ. Số tiền lãi tối đa được thu theo đúng quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm): 4.110.000đ. Đối với khoản vay này L thu lợi bất chính 33.390.000đ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 PROMAX màu tím kèm theo 01 sim có ghi số 8984048000317661825 thu giữ khi bị cáo đầu thú.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSCT ngày 14/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Lê Văn L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; khoản 1 Điều 36, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn L từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bổ sung từ 60 đến 80 triệu đồng. Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập hàng tháng

Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc L cho chị T1 vay 30.000.000 đồng (T1 đã trả cho bị cáo 10.000.000 đồng) và cho anh Nguyễn Văn V vay là 20.000.000 đồng (V đã trả cho bị cáo 20.000.000 đồng) là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Như vậy, truy thu của bị cáo 30.000.000 đồng, truy thu của T1 20.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ người vay tổng số tiền 11.392.000 đồng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo phải trả cho chị Ngô Thị T1 số tiền

thu lợi bất chính là 16.218.000đ. Anh V đã nhận lại số tiền thu lời bất chính từ bị cáo nên không yêu cầu đề nghị gì.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 14 PROMAX màu tím. Tịch thu tiêu huỷ 01 thẻ sim có ghi số 8984048000317661825 kèm theo điện thoại trên.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tôi đúng như Cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định: Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 9 năm 2023, bị cáo Lê Văn L đã sử dụng số tiền 50.000.000đ, cho Ngô Thị T1 vay 30.000.000đ và Nguyễn Văn V vay 20.000.000đ, với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 92.558.000đ, đã thu lời bất chính 49.608.000đ, cụ thể: Nhằm mục đích thu lời bất chính của chị T1 số tiền 59.168.000đ. Số tiền thực tế đã thu lời bất chính là 16.218.000đ; Nhằm mục đích thu lời bất chính của anh Nguyễn Văn V 33.390.000đ. Đã thu lời 33.390.000đ. Hành vi trên của bị cáo Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân; bị cáo biết hành vi cho vay lãi nặng là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì mục đích lợi nhuận, nên vẫn cố tình thực hiện. Do đó, phải xem xét, xử lý bị cáo hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, để giáo dục, cải tạo tốt với bị cáo nhằm mục đích phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã hai lần cho chị T1 và anh V vay lãi nặng, mỗi lần đều nhằm mục đích thu lời bất chính đủ 30.000.000đ trở lên. Và các lần này chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho anh V, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyền đầu thú khai báo toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng đối với anh V, giúp cơ quan điều tra mở rộng điều tra vụ án, kịp thời phát hiện và ngăn ngừa tội phạm. Do đó, bị cáo đượchưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội Hủy hoại tài sản, gây rối trật tự công cộng và nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật, mặc dù đã chấp hành xong, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng rèn luyện thành người có ích, nay lại tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, được trừ đi 7 ngày tạm giữ trước đó là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

[8] Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 30.000.000 đồng, chị T1 vay của bị cáo. Chị T1 đã trả cho bị cáo 10.000.000đ, còn 20.000.000đ chưa trả và 20.000.000 đồng Việt vay của bị cáo nhưng đã trả cho bị cáo. Xét tiền này là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội, do đó cần truy thu từ chị T1 và truy thu của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ chị T1, anh V tổng số tiền là 11.392.000 đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đây là số tiền lãi bị cáo có được do phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi bị cáo thu vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mà bị cáo đã thu thực tế của chị T1 là 16.218.000đ. Đây là tiền bị cáo thu lãi suất trái pháp luật, nay chị T1 yêu cầu bị cáo trả lại, nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho chị T1. Anh V không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 14 Pro Max, màu tím là phương tiện bị cáo phạm tội, do đó tịch thu sung ngân sách

nhà nước. Đối với 01 SIM có ghi số: 8984048000317661825, thu kèm theo điện thoại, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 36, điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 46; điểm a, b khoản 1 khoản 2 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L 24 tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 07 (Bảy) ngày tạm giữ, tương ứng với 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 23 tháng 9 ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn L 70.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước. Không khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng. Tuyên:

- Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 30.000.000đ để sung Ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Ngô Thị T1 số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu) sung Ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Lê Văn L số tiền 11.392.000đ, là tiền lãi bị cáo đã thu theo quy định của Bộ luật Dân sự để sung Ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả cho chị Ngô Thị T1 số tiền thu lợi bất chính vượt quá quy định của pháp luật là 16.218.000đ.

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện

thoại di động Iphone 14 Pro Max, màu tím.

- Tịch thu tiêu hủy 01 SIM có ghi số: 8984048000317661825, thu kèm theo điện thoại.

(Tang vật trên hiện đang lưu kho tại Chị cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, theo biên bản giao nhận tang vật ngày 14/6/2024).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn L, chị Ngô Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Cẩm Thuỷ;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp;
- CQĐT Công an H. Cẩm Thuỷ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thuỷ;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Dung